

Số:17/2025/QĐST- DS

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 278, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ
luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26; Nghị quyết số
326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định
về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2025 về việc các
đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số
15/2025/TLST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc
giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không
vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có
đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số nhà 43, khu 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Nay là: Số nhà 43, khu 1, xã V, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Vũ Xuân N, sinh năm 1981

Bà Lê Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh T.

Nay là: Thôn P, xã V, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn N1, sinh năm 1968

Bà Trịnh Thị N2, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh T.

Nay là: Thôn T, xã Y, tỉnh T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về nghĩa vụ trả tiền:**

Ngày 08/01/2020, vợ chồng ông Vũ Xuân N, bà Lê Thị T có vay của bà Mai Thị D số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), Mục đích vay: để bảo lãnh cho vợ chồng ông Lê Văn N1, bà Trịnh Thị N2. Ông N và bà T hẹn đến ngày 08/02/2020 sẽ trả cho bà D toàn bộ số tiền gốc và lãi. Nhưng đến hẹn ông N, bà T vẫn không trả nợ cho bà D. Quá trình Toà án giải quyết vụ án tính đến ngày 22/9/2025, ông N và bà T đã trả cho bà D được 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Bà Mai Thị D, ông Vũ Xuân N, bà Lê Thị T và bà Trịnh Thị N2, ông Lê Văn N1 thống nhất thoả thuận: Tính đến ngày 22/9/2025, vợ chồng ông N, bà T còn nợ bà Mai Thị D số tiền là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng). Các bên đương sự thống nhất phương thức trả nợ như sau:

- Trong tháng 10/2025 trả 100.000.000 đồng.
- Trong tháng 11/2025 trả 100.000.000 đồng.
- Trong tháng 12/2025 trả 100.000.000 đồng.
- Trong tháng 01/2026 trả 100.000.000 đồng.
- Trong tháng 02/2026 trả 100.000.000 đồng.
- Trong tháng 03/2026 trả 100.000.000 đồng.
- Trong tháng 04/2026 trả 50.000.000 đồng.

Ngoài số tiền này ra, ông N, bà T không phải trả tiền lãi cho bà D.

Nếu vợ chồng ông N, bà T vi phạm nghĩa vụ như các bên đã thoả thuận thì bà Mai Thị D có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay từ lần vi phạm đầu tiên trên toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Việc vay nợ giữa vợ chồng ông N1, bà N2 và vợ chồng ông N, bà T do hai bên tự thoả thuận, giải quyết các bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

*** Về án phí:** Bà Mai Thị D và ông Vũ Xuân N, bà Lê Thị T thống nhất, thoả thuận, bị đơn ông N, bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Vì vậy:

Nguyên đơn bà Mai Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên bà D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0006272 ngày 30/5/2025 của Chi cục thi hành án dân

sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hoá).

Bị đơn ông Vũ Xuân N, bà Lê Thị T phải chịu 50% số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong trường hợp các bên đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trước khi mở phiên tòa, nên ông Vũ Xuân N, bà Lê Thị T phải chịu 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Giang